VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Chương: 304

Mẫu biểu số 73

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 255/QĐ-VKS ngày 25/11/2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được điều chỉnh	Tổng số đã điều chỉnh	VKSND thành phố	VKSND KV1	VKSND KV2	VKSND KV3	VKSND KV4	VKSND KV5	VKSND KV6	VKSND KV7	VKSND KV8	VKSND KV9	VKSND KV10	VKSND KV11	VKSND KV12	VKSND KV13	VKSND KV14
1	2	3	4=5+6+..+19.	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**																	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**																	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**																	
1	**Chi quản lý hành chính**	1.320,3	1.320,3	-262,7	306,3	119,1	102,6	-3,2	1,7	170,1	53,8	107,3	114,5	283,3	74,8	128,2	73,4	51,1
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	1.409,1	1.409,1	-243,9	311,3	124,1	107,6	1,8	6,7	175,1	58,8	112,3	119,5	288,3	79,8	133,2	78,4	56,1
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	-88,8	-88,8	-18,8	-5	-5	-5	-5	-5	-5	-5	-5	-5	-5	-5	-5	-5	-5
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**																	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số																	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ.																	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ																	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																	
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo*																	
-	*Nhiệm vụ chuyển đổi số*																	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**																	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**																	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																	
5	**Chi bảo đảm xã hội**																	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																	
6	**Chi hoạt động kinh tế**																	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**																	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**																	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**																	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**																	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																	
II	**Nguồn vốn viện trợ**																	